TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **42**/2025/HNGĐ - ST Ngày 25 - 9 - 2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2025/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995 (có mặt)
  Căn cước công dân số: 038195010771; ngày cấp: 10/8/2021
  ĐKHKTT: Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa
  Nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã Thạch Bình, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn*: Anh Trịnh Anh D, sinh năm 1982 (vắng mặt)
  Căn cước công dân số: 038082027598; ngày cấp: 10/8/2021
  ĐKHKTT: Thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ngày 15/7/2025 và Bản tự khai ngày 14/8/2025 nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Anh D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 1 năm thì vợ chồng bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể quay về chung sống đoàn tụ, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Anh D.

- Về con chung: Chị H và anh D có 2 con chung là Trịnh Anh D1, sinh ngày 24/11/2017 và Trịnh Anh Đ, sinh ngày 27/3/2021. Nguyện vọng của chị khi ly hôn xin được nuôi cháu Trịnh Anh Đ và giao cháu Trịnh Anh D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 01/8/2025 bị đơn anh Trịnh Anh D trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa nay là UBND xã T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/02/2017. Trong quá trình chung sống anh và chị H không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng. Chị H làm đơn xin ly hôn với anh vì lý do từ phía chị H tinh thần bất ổn. Kể từ thời điểm vợ chồng chung sống đến nay chị H đã tự ý bỏ đi rất nhiều lần mà anh không rõ lý do. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh xin đoàn tụ để con cái có bố mẹ, cùng nhau chăm sóc con. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị H có 2 con chung như chị H trình bày. Hiện nay 2 con đang ở với anh. Nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được nuôi cả 2 con và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con Trịnh Anh Đ hàng tháng số tiền là 2.000.000đ.

- Về tài sản và nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/8/2025 chị H và anh D thống nhất thuận tình ly hôn. Về con chung: Chị H và D thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung. Chị H cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.500.000đ/tháng (2 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2025 đến khi con thành niên.

* Tại Đơn xin thay đổi thỏa thuận nuôi con ngày 29/8/2025 và bản tự khai ngày 30/8/2025 chị H trình bày: Tại buổi hòa giải ngày 26/8/2025 chị đã đồng ý giao 2 con anh D trực tiếp nuôi dưỡng với lý do tại thời điểm đó chị đang trong tình trạng căng thẳng, tinh thần chưa ổn định, nhanh chóng muốn giải quyết thủ tục ly hôn, 2 con đang quen môi trường học tập, bạn bè, thầy cô, chị không muốn chia rẽ tình cảm anh em của 2 con. Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ thấu đáo và lắng nghe tâm tư của con, chị nhận thấy con có nguyện

vọng được ở cùng mẹ. Về điều kiện nuôi dưỡng con, chị có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo, đồng thời có thể sắp xếp thời gian để chăm sóc và kèm cặp con học tập, sinh hoạt. Thu nhập của anh D không ổn định nên không thể chăm sóc con chu đáo. Bên cạnh đó bố mẹ anh D cũng già yếu, sức khỏe không tốt, cần sự chăm sóc. Nếu anh D cùng lúc phải lo cho cha mẹ già yếu và 2 con nhỏ thì sẽ không đảm bảo quan tâm, chăm sóc đầy đủ cho con. Hiện nay con cũng rất gắn bó, tình cảm với mẹ và con cũng bày tỏ nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Trịnh Anh Đ và giao cháu Trịnh Anh D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Tại Bản tự khai ngày 29/8/2025 anh Trịnh Anh D trình bày: Hiện nay 2 con đang ở với anh và ông bà nội tại thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Anh làm nghề Shiper, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ. Anh có nguyện vọng được quyền nuôi cả 2 con để 2 con không phải chia cắt, có anh có em.

** Tại phiên tòa*:

Chị Phạm Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Trịnh Anh D. Về con chung: Hiện nay chị đã đem cháu Đ về ở với chị tại nhà bố mẹ đẻ còn cháu D1 đang ở với anh D. Cháu Trịnh Anh Đ còn nhỏ nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ của mẹ. Chị làm việc tại Bệnh viện Đa khoa V, tỉnh Thanh Hóa, có thu nhập ổn định, mỗi tháng là 6.363.630đ. Kể từ tháng 6 năm 2025 lương của chị mỗi tháng được tăng thêm 1.000.000đ. Chị có thời gian để chăm sóc và kèm cặp con học tập, sinh hoạt. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên chị có nguyện vọng xin được nuôi cháu Trịnh Anh Đ và giao cháu Trịnh Anh D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị H được ly hôn anh D.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trịnh Anh Đ, sinh ngày 27/3/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Anh D1, sinh ngày 24/11/2017 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trịnh Anh D có hộ khẩu tH trú tại thôn L, xã T, tỉnh Thanh Hóa nên chị Phạm Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn và nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Trịnh Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh D là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trịnh Anh D dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị H và anh D đã chính thức sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay. Tại phiên tòa, chị H xác

định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh D. Đối với anh D, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh D là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh D có 2 con chung là Trịnh Anh D1, sinh ngày 24/11/2017 và Trịnh Anh Đ, sinh ngày 27/3/2021. Hiện nay cháu D1 đang ở với anh D còn cháu Đ đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H xin được nuôi cháu Trịnh Anh Đ và giao cháu Trịnh Anh D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với anh D xin được nuôi cả 2 con. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của chị H và anh D là chính đáng. Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con của chị H và anh D thì thấy chị H và anh D đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con. Cháu Trịnh Anh Đ đang ở với chị H và còn nhỏ nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ của mẹ, cháu Trịnh Anh D1 đang ở với anh D và cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con cần giao cháu Trịnh Anh Đ cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Trịnh Anh D1 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng: Chị H và anh D mỗi người đều nuôi một con nên chị H và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trịnh Anh D.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Anh Đ, sinh ngày 27/3/2021 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Trịnh Anh D1, sinh ngày 24/11/2017 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị H và anh Trịnh Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005583 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà